

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2016-2024 và đề xuất nhu cầu hỗ trợ trong thời gian tới.

Mở đầu

- Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh/thành phố giai đoạn 2016-2024.

- Khái quát một số kết quả, thành tựu của hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh/thành phố giai đoạn 2016-2024; Giá trị đóng góp cụ thể theo từng lĩnh vực, ngành hàng.

Phần I

Thực trạng phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2016-2024

I. Tình hình xây dựng cơ chế, chính sách về thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

1. Tình hình xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 01)

2. Các chương trình, đề án về thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 02)

3. Tình hình ban hành danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

3.1. Danh mục sản phẩm chủ lực

Phân loại theo: (i) Cấp quản lý (cấp Quốc gia; cấp tỉnh/thành phố, cấp huyện); (ii) Lĩnh vực (Nông nghiệp; công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ; khác)

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 03)

3.2. Danh mục sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế

Phân loại theo: (i) Cấp quản lý (cấp Quốc gia; cấp tỉnh/thành phố, cấp huyện); (ii) Lĩnh vực (Nông nghiệp; công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ; khác).

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 03)

3.3. Danh mục sản phẩm OCOP (có xếp hạng sao)

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 04)

II. Tình hình sản xuất, kinh doanh và giá trị đóng góp của sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016-2024

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

- Đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế trên các nhân tố: (i) Môi trường kinh tế trong nước và thế giới; (ii) Cơ chế, chính sách của nhà nước; (iii) Thị trường; (iv) Khả năng và tình hình tổ chức, sản xuất tại địa phương; (v) Công nghệ; (vi) Vốn; (vii) Nguồn lao động; (viii) Trình độ quản lý.

- Đánh giá số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trên địa bàn trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương (Phân theo lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, khác); Quy mô sản xuất (từ siêu nhỏ đến siêu lớn); Mô hình sản xuất, kinh doanh;

- Đánh giá tác động từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế đối với việc tạo công ăn việc trên địa bàn; tác động đối với nguồn cung nguyên vật liệu; tác động đối với các ngành nghề phụ trợ và dịch vụ.

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 05)

2. Tình hình quảng bá và tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

2.1. Phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 06)

3. Giá trị đóng góp của sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế vào tăng trưởng GRDP¹ của địa phương giai đoạn 2016-2024

Đánh giá tỷ lệ đóng góp của sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản

¹ GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn): là giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong một khoảng thời gian nhất định.

phẩm có lợi thế vào tăng trưởng GDP của địa phương và cụ thể theo từng lĩnh vực, từng năm (từ năm 2016 đến nay) và tổng giai đoạn 2016-2024 (Nông nghiệp; công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ; khác). Từ đó, đánh giá hiệu quả mang lại thông qua việc phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế đối với kinh tế - xã hội địa phương.

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 07)

III. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2016-2024

1. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

1.1. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cấp quốc gia triển khai tại địa phương giai đoạn 2016-2024

1.2. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cấp tỉnh/thành phố giai đoạn 2016-2024

1.3. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cấp huyện giai đoạn 2016-2024

Lưu ý:

(i) Đánh giá cụ thể số lượng, chất lượng theo từng loại hình nhiệm vụ KH&CN (Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, khoa học giáo dục – đào tạo, khoa học xã hội, khoa học nhân văn).

(ii) Đánh giá thực trạng của các Chương trình, Đề án các cấp đã hỗ trợ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương (quy trình công nghệ; trình độ, năng lực tiếp nhận công nghệ; cơ sở hạ tầng; trang thiết bị; gia tăng sản lượng, chất lượng; liên kết sản xuất; xây dựng thương hiệu; quảng bá và mở rộng thị trường tiêu thụ...).

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 08 và Biểu số 09)

2. Thực trạng ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 10)

3. Thực trạng hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

3.1. Công tác bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương giai đoạn 2016-2024

Bảo hộ nhãn hiệu? Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp? Xác lập chỉ dẫn địa lý? Cấp bằng sáng chế/giải pháp hữu ích? Bảo hộ các đối tượng khác?

3.2. Công tác bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

Bảo hộ nhãn hiệu? Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp? Xác lập chỉ dẫn địa lý? Cấp bằng sáng chế/giải pháp hữu ích?

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 11)

4. Thực trạng đầu tư và sử dụng nguồn vốn cho khoa học và công nghệ hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

4.1. Đầu tư và sử dụng nguồn vốn cho khoa học và công nghệ hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương giai đoạn 2016-2024 (Ngân sách Trung ương; Ngân sách địa phương; Nguồn lực tài chính khác)

4.2. Đầu tư và sử dụng nguồn vốn cho cho khoa học và công nghệ hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024 (Ngân sách Trung ương; Ngân sách địa phương; Nguồn lực tài chính khác)

4.3. Đánh giá hiệu quả của việc đầu tư và sử dụng vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024 ((Ngân sách Trung ương; Ngân sách địa phương; Nguồn lực tài chính khác)

(Thống kê chi tiết theo Biểu số 12)

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

Lưu ý: Bên cạnh đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, cần đánh giá sâu về thực trạng của các cơ chế, chính sách; hiệu quả triển khai các chương trình, đề án thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi của địa phương giai đoạn 2016-2024.

PHẦN II

Quan điểm, mục tiêu, nhu cầu thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2026-2035

I. Những vấn đề đặt ra để phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế địa phương giai đoạn 2026-2035

1. **Thuận lợi** (Tiềm năng, lợi thế và cơ hội đối với phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương)

2. **Khó khăn, thách thức** (Hạn chế, khó khăn, thách thức đối với phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương)

II. Quan điểm về thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ nhằm phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2026-2035

III. Mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2026-2035

1. Mục tiêu

2. Chỉ tiêu

- Cấp độ phát triển của sản phẩm chủ lực (cấp huyện, cấp tỉnh/thành phố, cấp quốc gia) giai đoạn 2026-2035?

- Tỷ lệ đóng góp của sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế vào tăng trưởng GRDP của địa phương giai đoạn 2026-2035?

- Tỷ lệ đổi mới công nghệ hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2026-2035?

- Tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2026-2035?

- Số lượng, quy mô các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2026-2035?

- Số lượng sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương được bảo hộ sở hữu trí tuệ giai đoạn 2026-2035?

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế sau khi được hỗ trợ KH&CN giai đoạn 2026-2035 (thị trường nội tỉnh/thành phố, trong vùng, cả nước hay xuất khẩu)?

III. Nhu cầu thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2026-2035

1. Về xây dựng, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch và các đề án lớn nhằm ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

2. Về xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

3. Về đầu tư tài chính nhằm hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

4. Về phát triển nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

5. Về đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

6. Về các chương trình KH&CN hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

Trong đó tập trung đề xuất tiêu chí cụ thể như sau:

- Tiêu chí, điều kiện lựa chọn sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế để được hỗ trợ?

- Nội dung, hình thức và cách thức hỗ trợ?

- Yêu cầu đối với sản phẩm đầu ra sau khi được hỗ trợ?

- Tiêu chí đánh giá hiệu quả hỗ trợ sản phẩm?

- Tiêu chí đánh giá hiệu quả của chương trình KH&CN hỗ trợ?

- Cách thức tổ chức thực hiện chương trình KH&CN?

7. Về thị trường, thương mại sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

8. Về hợp tác và liên kết vùng (nội vùng và ngoại vùng) hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

9. Các nhu cầu, yêu cầu khác.

PHỤ LỤC

Biểu số 01

Danh mục cơ chế, chính sách về thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế của địa phương giai đoạn từ năm 2016 đến nay

TT	Loại văn bản	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					Tỉnh ủy	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	
<i>I</i>	<i>Giai đoạn 2016-2020</i>							
							
<i>II</i>	<i>Giai đoạn 2021-2025</i>							
							
	Tổng cộng							

PHỤ LỤC

Biểu số 01

Tình hình xây dựng cơ chế, chính sách về thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn từ năm 2016 đến nay

TT	Loại văn bản	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					<i>Tỉnh ủy</i>	<i>HĐND tỉnh</i>	<i>UBND tỉnh</i>	
A	Sản phẩm chủ lực							
<i>I</i>	<i>Giai đoạn 2016-2020</i>							
							
<i>II</i>	<i>Giai đoạn 2021-2025</i>							
							
	Tổng cộng							
B	Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế							
<i>I</i>	<i>Giai đoạn 2016-2020</i>							
							
<i>II</i>	<i>Giai đoạn 2021-2025</i>							
							
	Tổng cộng							

Danh mục các Chương trình, Đề án về thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn từ năm 2016 đến nay

TT	Chương trình/Đề án	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					Tỉnh ủy	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	
A	Sản phẩm chủ lực							
<i>I</i>	<i>Giai đoạn 2016-2020</i>							
							
<i>II</i>	<i>Giai đoạn 2021-2025</i>							
							
	Tổng cộng							
B	Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế							
<i>I</i>	<i>Giai đoạn 2016-2020</i>							
							
<i>II</i>	<i>Giai đoạn 2021-2025</i>							
							
	Tổng cộng							

Danh mục các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

TT	Cấp ban hành	Lĩnh vực	Sản phẩm chủ lực		Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế		Tổng cộng
			Tên sản phẩm	Quyết định ban hành (số, ký hiệu, ngày tháng ban hành, trích yếu)	Tên sản phẩm	Quyết định ban hành (số, ký hiệu, ngày tháng ban hành, trích yếu)	
A	Cấp quốc gia						
I		Nông nghiệp					
						
II		Công nghiệp – xây dựng					
						
III		Thương mại – dịch vụ					
						
IV		Khác					
						
		Tổng cộng					
B	Cấp tỉnh/thành phố						
I		Nông nghiệp					
						
II		Công nghiệp – xây dựng					
						
III		Thương mại – dịch vụ					
						
IV		Khác					
						
		Tổng cộng					
C	Cấp huyện						
I		Nông nghiệp					
						
II		Công nghiệp – xây dựng					
						
III		Thương mại – dịch vụ					
						
IV		Khác					
						
		Tổng cộng					

Danh mục các sản phẩm OCOP tại địa phương

TT	Phân cấp	Nhóm sản phẩm	Tên sản phẩm	Quyết định ban hành (số, ký hiệu, ngày tháng ban hành, trích yếu)	Xếp hạng sản phẩm*					Ghi chú
					Hạng 1 sao	Hạng 2 sao	Hạng 3 sao	Hạng 4 sao	Hạng 5 sao	
A	Cấp quốc gia									
I		Thực phẩm								
									
II		Đồ uống								
									
III		Dược liệu và sản phẩm từ dược liệu								
									
IV		thủ công mỹ nghệ								
									
V		sinh vật cảnh								
									
VI		Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch								
									
		Tổng cộng								
B	Cấp tỉnh/thành phố									
I		Thực phẩm								
									
II		Đồ uống								
									
III		Dược liệu và sản phẩm từ dược liệu								
									
IV		thủ công mỹ nghệ								
									
V		sinh vật cảnh								
									
VI		Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch								
									
		Tổng cộng								
B	Cấp tỉnh/thành phố									
I		Thực phẩm								
									
II		Đồ uống								

									
III		<i>Dược liệu và sản phẩm từ dược liệu</i>								
									
IV		<i>thủ công mỹ nghệ</i>								
									
V		<i>sinh vật cảnh</i>								
									
VI		<i>Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điem du lịch</i>								
									
		Tổng cộng								

(*) Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và Quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

Kết quả hoạt động quảng bá và tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương từ năm 2016 đến nay

TT	Lĩnh vực	Sản phẩm chủ lực							Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế								
		Số sản phẩm chủ lực được hỗ trợ phát triển thương hiệu, quảng bá	Hình thức hỗ trợ	Kinh phí đầu tư, hỗ trợ (triệu đồng)	Thị trường tiêu thụ				Số sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế được hỗ trợ phát triển thương hiệu, quảng bá	Hình thức hỗ trợ	Kinh phí đầu tư, hỗ trợ (triệu đồng)	Thị trường tiêu thụ					
					Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Hình thức tiêu thụ		Tổng doanh thu từ năm 2016 đến nay (triệu đồng)				Đóng góp cho sách tỉnh/thành phố từ năm 2016 đến nay (triệu đồng)	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Hình thức tiêu thụ		Tổng doanh thu từ năm 2016 đến nay (triệu đồng)	Đóng góp cho sách tỉnh/thành phố từ năm 2016 đến nay (triệu đồng)
						Trong nước	Xuất khẩu							Trong nước	Xuất khẩu		
1	Nông nghiệp																
2	Công nghiệp - xây dựng																
3	Thương mại - dịch vụ																
4	Khác																
	Tổng cộng																

Tỷ lệ đóng góp của sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế vào tăng trưởng GRDP của địa phương từ năm 2016 đến nay

TT	Lĩnh vực	Tỷ lệ đóng góp của sản phẩm chủ lực vào GRDP (%)									Tỷ lệ đóng góp của sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế vào GRDP (%)									Ghi chú	
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Dự kiến năm 2024	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Dự kiến năm 2024		
I	Nông nghiệp																				
																				
II	Công nghiệp – xây dựng																				
																				
III	Thương mại – dịch vụ																				
																				
IV	Khác																				
																				
	Tổng cộng																				

Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã triển khai nhằm hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương từ năm 2016 đến nay

TT	Cấp quản lý	Sản phẩm chủ lực (số lượng)								Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế (số lượng)							
		Khoa học tự nhiên	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Khoa học nông nghiệp	Khoa học y dược	Khoa học giáo dục – đào tạo	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Tổng cộng	Khoa học tự nhiên	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Khoa học nông nghiệp	Khoa học y dược	Khoa học giáo dục – đào tạo	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Tổng cộng
1	Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia triển khai trên địa bàn																
2	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở																
	Tổng cộng																

Kết quả KH&CN nổi bật về ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương từ năm 2016 đến nay

TT	Lĩnh vực*	Tên sản phẩm/công trình/công nghệ	Cơ quan chủ quản công trình/công nghệ	Cơ quan chủ trì xây dựng công trình/công nghệ	Hiệu quả kinh tế - xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú (sản phẩm chủ lực/sản phẩm đặc thù/sản phẩm có lợi thế)
1	Nông nghiệp					
					
2	Công nghiệp – xây dựng					
					
3	Thương mại – dịch vụ					
					
4	Khác					
					

* Mỗi lĩnh vực tối đa 3 sản phẩm/công trình/công nghệ tiêu biểu.

Kết quả hoạt động hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, đổi mới thiết bị máy móc phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương từ năm 2016 đến nay

TT	Lĩnh vực	Sản phẩm chủ lực						Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế						Ghi chú		
		Số lượng	Hình thức hỗ trợ				Tổng kinh phí đầu tư ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến (triệu đồng)	Một số kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến đã được ứng dụng	Số lượng	Hình thức hỗ trợ					Tổng kinh phí đầu tư ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến (triệu đồng)	Một số kỹ thuật, công nghệ tiên tiến đã được ứng dụng
			Tự nghiên cứu, phát triển	Phối hợp nghiên cứu	Mua/nhận chuyển giao	Thông qua dự án đầu tư				Tự nghiên cứu, phát triển	Phối hợp nghiên cứu	Mua/nhận chuyển giao	Thông qua dự án đầu tư			
1	Nông nghiệp															
2	Công nghiệp – xây dựng															
3	Thương mại – dịch vụ															
4	Khác															
	Tổng cộng															

Hoạt động hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương từ năm 2016 đến nay

TT	Lĩnh vực	Bảo hộ nhãn hiệu					Xác lập chỉ dẫn địa lý					Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp					Sáng chế/giải pháp hữu ích				
		Số lượng sản phẩm được bảo hộ	Tên sản phẩm được bảo hộ	Quyết định công nhận	Số dự án, nhiệm vụ hỗ trợ bảo hộ	Số doanh nghiệp được hỗ trợ bảo hộ	Số lượng sản phẩm được xác lập	Tên sản phẩm được xác lập	Quyết định công nhận	Số dự án, nhiệm vụ hỗ trợ xác lập	Số doanh nghiệp được hỗ trợ xác lập	Số lượng sản phẩm được bảo hộ	Tên sản phẩm được bảo hộ	Quyết định công nhận	Số dự án, nhiệm vụ hỗ trợ bảo hộ	Số doanh nghiệp được hỗ trợ bảo hộ	Số lượng sản phẩm được cấp bằng	Tên sản phẩm được cấp bằng	Quyết định công nhận	Số dự án, nhiệm vụ hỗ trợ cấp bằng	Số doanh nghiệp được hỗ trợ cấp bằng
I	Sản phẩm chủ lực																				
1	Nông nghiệp																				
2	Công nghiệp - xây dựng																				
3	Thương mại - dịch vụ																				
4	Khác																				
	Tổng cộng																				
II	Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế																				
1	Nông nghiệp																				
2	Công nghiệp - xây dựng																				
3	Thương mại - dịch vụ																				
4	Khác																				
	Tổng cộng																				

Kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương từ năm 2016 đến nay

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hoạt động hỗ trợ	Nguồn vốn ngân sách Trung ương								Nguồn vốn ngân sách địa phương								Nguồn vốn khác										
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I Sản phẩm chủ lực																												
1	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ																											
2	Chuyên gia công nghệ																											
3	Bảo hộ Sở hữu trí tuệ																											
4	Phát triển thị trường																											
5	Đào tạo, tập huấn																											
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng																											
	Tổng cộng																											
II Sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế																												
1	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ																											
2	Chuyên gia công nghệ																											
3	Bảo hộ Sở hữu trí tuệ																											
4	Phát triển thị trường																											
5	Đào tạo, tập huấn																											
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng																											
	Tổng cộng																											